rè yuán

热源

noun · heat source

Example Sentences

Tài yáng shì zhǔ yào de rè yuán
太 阳 是 主 要 的 热 源 。

The sun is the main heat source.

Zhè gè shè bèi xū yào wěn dìng de rè yuán
这 个 设 备 需 要 稳 定 的 热 源 。

This device needs a stable heat source.

Dì rè shì yī zhǒng qīng jié de rè yuán
地 热 是 一 种 清 洁 的 热 源 。

Geothermal energy is a clean heat source.

Trace each character, then write the word on your own.

热 热 热 热 热 热 热 热 热 热 热
热 热

源 源 源 源 源 源 源 源 源 源 源
源 源 源 源 源